| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRÀ ÔN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 06/2025/QĐST-HNGĐ | *Trà Ôn, ngày 07 tháng 01 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 362/2024/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1994.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2024.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T1.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau**:

**2.1. Về con chung:** Giao con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 11/7/2013 và Nguyễn Duy K1, sinh ngày 26/02/2021 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**2.2. Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn T1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

**2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm**:

Chị Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ nộp 75.000đ *(Bảy mươi lăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị T đã nộp theo biên lai thu số 0011667 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Còn lại 225.000đ *(Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng)* hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu T.

Anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ nộp 75.000đ *(Bảy mươi lăm ngàn đồng)* án phí ly hôn.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- UBND xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 12/4/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thúy An**